TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2023/DS-PT
Ngày: 18 - 5 - 2023
V/v tranh chấp thừa kế tài sản và tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn.

Các Thẩm phán: Ông Hồ Văn Phụng.

Ông Nguyễn Hoàng Thành.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Trung An - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:*** Bà Tăng Thị Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 32/2023/TLPT-DS ngày 02 tháng 3 năm 2023 về việc tranh chấp thừa kế tài sản và tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 100/2022/DS-ST ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 67/2023/QĐ-PT ngày 03 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phan Nguyệt A, sinh năm 1959; hộ khẩu thường trú: Số 74, đường L, Khóm B, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; chỗ ở hiện nay: Số 20, đường H, Khóm M, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Việt H, sinh năm 1966; địa chỉ: Số LK 02-41 đường C3, Khu dân cư C, Khóm M, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 04/7/2017). (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Phan Hùng M, sinh năm 1970; địa chỉ: Số 74, đường L, Khóm B, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Phan Thị Mãnh T, sinh năm 1948; địa chỉ: Số 86, đường L, Khóm B, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

2. Ông Phan Phước Ê, sinh năm 1950; địa chỉ: Ấp B, thị trấn L, huyện P, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của ông Ê: Bà Nguyễn Thị Bích N, sinh năm 1957; địa chỉ: Ấp B, thị trấn L, huyện P, tỉnh Sóc Trăng, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 19/4/2023). (có mặt).

3. Bà Lê Thị Bạch Y, sinh năm 1959 (vắng mặt).

4. Bà Phan Thị Trúc L, sinh năm 1980 (có mặt).

5. Ông Phan Hoàng N, sinh năm 1983 (vắng mặt).

6. Ông Phan Hoàng S, sinh năm 1991 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số 15, đường S, Khóm B, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

7. Ông Phan Thành I sinh năm 1953; địa chỉ: Số 194A, ấp T, xã L, huyện P, tỉnh Hậu Giang (vắng mặt).

8. Bà Phan Thị Hạnh P, sinh năm 1954; địa chỉ: Số 10, đường N, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

9. Ông Phan Thanh H, sinh năm 1957; địa chỉ: Số 139A, đường Q, Khóm H, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

10. Bà Phan Quế Ư, sinh năm 1958; hộ khẩu thường trú: Số 14, đường S, Khóm B, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; chỗ ở hiện nay: Số 71B, đường T, Khóm X, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

11. Ông Phan Thanh G, sinh năm 1958; địa chỉ: Số 74, đường L, Khóm B, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

12. Ông Phan Thanh Ơ, sinh năm 1961; địa chỉ: Ấp B, thị trấn L, huyện P, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

13. Bà Phan Thị L, sinh năm 1962 (Lưởng, sinh năm 1961); địa chỉ: Số 20, đường H, Khóm M, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

14. Ông Nguyễn Phát X, sinh năm 1959; hộ khẩu thường trú: Số 74, đường L, Khóm B, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; chỗ ổ hiện nay: Số 86, đường L, Khóm B, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

15. Ngân hàng TMCP A, địa chỉ: Số 170, đường H, phường Đ, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng: Ông Đào Văn Y, sinh năm 1988 (có mặt) và ông Đào Khánh Z, sinh năm 1993 (có mặt); cùng địa chỉ: Số 18, đường P, Phường H, quận T, thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 25/4/2023).

- *Người kháng cáo:* Ông Trần Việt H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Theo đơn khởi kiện ngày 01/6/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn cũng như người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Việt H trình bày:

Cha nguyên đơn bà Phan Nguyệt A là cụ Phan Văn Â (chết ngày 18/5/2014) và mẹ là cụ La Thị Q (chết ngày 23/4/1994), có tất cả 14 người con chung gồm: (1) bà Phan Nguyệt A, sinh năm 1959; (2) ông Phan Hùng M, sinh năm 1970; (3) bà Phan Thị Mãnh T, sinh năm 1948; (4) bà Phan Thị Thanh Ă, sinh năm 1950 (chết năm 2000, không có chồng con); (5) ông Phan Phước Ê, sinh năm 1950; (6) ông Phan Văn B (chết năm 1992, có 03 người con gồm bà Phan Thị Trúc L; ông Phan Hoàng N; ông Phan Hoàng S); (7) ông Phan Thành C, sinh năm 1952 (chết năm 1982, không có vợ con); (8) ông Phan Thành I sinh năm 1953; (9) bà Phan Thị Hạnh P, sinh năm 1954; (10) ông Phan Thanh H, sinh năm 1957; (11) Bà Phan Quế Ư, sinh năm 1958; (12) ông Phan Thanh G, sinh năm 1958; (13) ông Phan Thanh Ơ, sinh năm 1961; (14) bà Phan Thị L, sinh năm 1962 (Lưởng, sinh năm 1961); ngoài ra, cha mẹ bà không có con nuôi hay con riêng nào khác.

Vào năm 1967, cụ Â và cụ Q có chuyển nhượng 01 căn nhà cấp 4 gắn liền với thửa đất số 75, tờ bản đồ số 33, vị trí tại số 74 (số cũ 58) đường L, Khóm B, Phường C, thành phố S.

Vào năm 1990, cụ Â và cụ Q làm thủ tục giao căn nhà nêu trên cho bà A làm chủ với điều kiện bà A có nghĩa vụ nuôi dưỡng và thờ phượng sau này. Sau khi bàn giao làm chủ căn nhà bà A làm thủ tục và được UBND tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở ngày 24/12/2001, nhưng do thủ tục cấp giấy chứng nhận không đúng quy định nên vào ngày 06/03/2017 UBND tỉnh Sóc Trăng ban hành quyết định số 465/QĐ-UBND thu hồi Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở cấp cho bà A và ông Nguyễn Phát X.

Trước khi chết cụ Q không có di chúc, còn cụ Â có di chúc để lại toàn bộ phần tài sản cho bà A. Quá trình chung sống cùng cụ Â và cụ Q, do căn nhà xuống cấp nên bà A cùng ông X đã bỏ tiền ra sửa chữa xây dựng lại căn nhà trên vào năm 2006 và được cấp giấy phép xây dựng. Việc sửa chữa và xây dựng căn nhà tất cả các anh chị em đều biết và công nhận nên đã có 07 anh chị em gồm bà Phan Thị Mãnh T; bà Phan Thị Thanh Ă; ông Phan Thành N; ông Phan Thanh H; ông Phan Thanh Ơ; ông Phan Thanh G và bà Phan Thị L có lập tờ cam kết giao lại phần thừa kế mà họ được hưởng cho bà A.

Ngoài ra, vào năm 2012 bà A và ông X đã thế chấp căn nhà và đất nêu trên tại Ngân hàng TMCP A, chi nhánh Sóc Trăng (sau đây gọi tắt là Ngân hàng A) để vay 2.000.000.000 đồng, mục đích để kinh doanh.

Nay nguyên đơn cũng như người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cụ thể như sau:

+ Công nhận căn nhà gắn liền với thửa đất số 75, tờ bản đồ số 33, vị trí tọa lạc tại số 74 (số cũ 58) đường L, Khóm B, Phường C, thành phố S là thuộc quyền sở hữu riêng của bà A và ông X.

+ Chia thửa đất số 75, tờ bản đồ số 33, diện tích 225,8m^2, vị trí tại số 74 (số cũ 58) đường L, Khóm B, Phường C, thành phố S như sau:

+ Công nhận cho bà A được hưởng 50% giá trị thửa đất số 75 theo di chúc của cụ Â để lại cho bà A.

+ 50% giá trị còn lại chia thừa kế theo pháp luật thành 13 phần bằng nhau, bà A được 8 phần, còn 5 phần chia cho các anh chị em còn lại. Bà A yêu cầu được nhận hiện vật và bà A thối lại giá trị kỷ phần thừa kế cho các đồng thừa kế khác.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Phan Hùng M trình bày:

Ông M không đồng ý bán căn nhà hương quả của cha mẹ tại số 74 (số cũ 58) đường L, Khóm B, Phường C, thành phố S, lý do muốn gìn giữ làm nơi thờ cúng cha mẹ và căn nhà này là của cha mẹ để lại cho các anh, chị, em. Bà A lấy căn nhà và đất thế chấp Ngân hàng A là không đúng, Ngân hàng không có quyền phát mãi căn nhà này để thu hồi nợ mà bà A đã vay Ngân hàng.

- Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Phan Quế Ư trình bày:

Bà Ư không đồng ý bán căn nhà hương quả của cha mẹ tại số 74 (số cũ 58) đường L, Khóm B, Phường C, thành phố S, lý do muốn gìn giữ làm nơi thờ cúng cha mẹ và căn nhà này là của cha mẹ để lại cho các anh, chị, em. Bà A lấy căn nhà và đất thế chấp Ngân hàng A là không đúng, Ngân hàng không có quyền phát mãi căn nhà này để thu hồi nợ mà bà A đã vay Ngân hàng.

- Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị Hạnh P trình bày:

Bà P không đồng ý bán căn nhà hương quả của cha mẹ tại số 74 (số cũ 58) đường L, Khóm B, Phường C, thành phố S, lý do muốn gìn giữ làm nơi thờ cúng cha mẹ và căn nhà này là của cha mẹ để lại cho các anh, chị, em. Bà A lấy căn nhà và đất thế chấp Ngân hàng A là không đúng, Ngân hàng không có quyền phát mãi căn nhà này để thu hồi nợ mà bà A đã vay Ngân hàng.

- Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị Trúc L; ông Phan Hoàng N; ông Phan Hoàng S trình bày:

Không đồng ý bán căn nhà hương quả của ông bà tại số 74 (số cũ 58) đường L, Khóm B, Phường C, thành phố S, lý do muốn gìn giữ làm nơi thờ cúng ông bà.

- Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm bà Phan Thị Mãnh T; ông Phan Thành N; ông Phan Thanh H; ông Phan Thanh Ơ; ông Phan Thanh G, bà Phan Thị L, ông Nguyễn Phát X không có ý kiến cũng như văn bản trả lời.

- Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là Ngân hàng TMCP A là ông Đào Văn Y trình bày:

Ông Nguyễn Phát X và bà Phan Nguyệt A có ký với Ngân hàng hợp đồng tín dụng số 0178/12/TD/XIX để vay số tiền 2.000.000.000 đồng, lãi suất 15%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay, mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh quần áo may sẵn, thời hạn vay 12 tháng, từ ngày 02/8/2012 đến ngày 02/8/2013, tuy nhiên sau khi vay tính đến ngày 02/12/2022 ông X và bà A chỉ trả được số tiền vốn gốc là 63.463 đồng, hiện còn nợ số tiền vốn vay là 1.999.936.537 đồng.

Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho khoản vay trên, ông X và bà A đã ký hợp đồng thế chấp tài sản số 0101/2012/TC/XIX ngày 01/8/2012 với Ngân hàng, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất ở và quyền sở hữu nhà ở của ông X và bà A đã được UBND tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 580106 ngày 24/12/2001.

Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 75, tờ bản đồ số 33, mục đích sử dụng: đất ở đô thị, diện tích 225,80m^2; quyền sở hữu nhà ở có diện tích xây dựng 60m^2, diện tích sử dụng 118,96m^2; kết cấu xây dựng 02 tầng, tường 10, khung BTCT, sàn ván, mái tole, nền gạch.

Tại phiên tòa, ông Đào Văn Y yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc ông X và bà A trả cho Ngân hàng TMCP A số tiền tính đến ngày 02/12/2022 là 6.392.699.112 đồng (trong đó, tiền vốn vay là 1.999.936.537 đồng và tiền lãi vay là 4.392.762.575 đồng).

Trường hợp ông X và bà A không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản số 0101/2012/TC/XIX ngày 01/8/2012 để Ngân hàng thu hồi nợ.

Đồng thời, yêu cầu Tòa án xem xét hủy Quyết định số 465/QĐ-UBND ngày 6/3/2017 của UBND tỉnh Sóc Trăng về thu hồi Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở cấp cho ông X và bà A.

Sự việc đã được Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết tại Bản án dân sự sơ thẩm số 100/2022/DS-ST ngày 09 tháng 12 năm 2022 đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Nguyệt A.

1.1. Công nhận căn nhà có diện tích 118,96m^2, tại thửa đất số 75, tờ bản đồ số 35 thuộc quyền sở hữu của bà Phan Nguyệt A và ông Nguyễn Phát X.

1.2. Chia di sản thừa kế là thửa đất số 75, tờ bản đồ số 35, diện tích 225,8m^2, loại đất ODT (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 580106 do UBND tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 24/12/2001 cho bà Phan Nguyệt A và ông Nguyễn Phát X, tài sản gắn liền trên đất là căn nhà cấp bốn, tại số 74 (số cũ 58), đường L, Khóm B, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng) đã bị UBND tỉnh Sóc Trăng thu hồi theo Quyết định số 465/QĐ-UBND ngày 06/3/2017 như sau:

- Bà Phan Nguyệt A được hưởng di sản thừa kế theo di chúc có giá trị là 11.041.055.500 đồng và di sản thừa kế theo pháp luật là 6.769.218.399 đồng. Tổng cộng là 17.810.273.899 đồng.

- Ông Phan Hùng M; ông Phan Phước Ê; bà Phan Thị Hạnh P; Bà Phan Quế Ư mỗi người được hưởng phần thừa kế theo pháp luật là 854.367.389 đồng.

- Bà Phan Thị Trúc L, ông Phan Hoàng N và ông Phan Hoàng S được hưởng phần thừa kế theo pháp luật là 854.367.389 đồng.

- Buộc bà Phan Nguyệt A có nghĩa vụ thối trả cho các đồng thừa kế gồm ông Phan Hùng M; ông Phan Phước Ê; bà Phan Thị Hạnh P; Bà Phan Quế Ư mỗi người số tiền là 854.367.389 đồng.

- Buộc bà Phan Nguyệt A có nghĩa vụ thối trả cho bà Phan Thị Trúc L, ông Phan Hoàng N và ông Phan Hoàng S số tiền là 854.367.389 đồng.

1.3. Giao cho bà Phan Nguyệt A quản lý, sử dụng căn nhà và đất tại thửa đất số 75, tờ bản đồ số 35, diện tích 225,8m^2, loại đất ODT (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 580106 do UBND tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 24/12/2001 cho bà Phan Nguyệt A và ông Nguyễn Phát X, tài sản gắn liền trên đất là căn nhà cấp bốn, tại số 74 (số cũ 58), đường L, Khóm B, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng) đã bị UBND tỉnh Sóc Trăng thu hồi Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở cấp cho bà Phan Nguyệt A và ông Nguyễn Phát X theo Quyết định số 465/QĐ-UBND ngày 06/3/2017.

- Buộc ông Phan Hùng M, ông Phan Thanh G cùng có trách nhiệm giao căn nhà và đất tại thửa đất số 75, tờ bản đồ số 35, diện tích 225,8m^2, loại đất ODT (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 580106 do UBND tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 24/12/2001 cho bà Phan Nguyệt A và ông Nguyễn Phát X, tài sản gắn liền trên đất là căn nhà cấp bốn, tại số 74 (số cũ 58), đường L, Khóm B, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng) đã bị UBND tỉnh Sóc Trăng thu hồi Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở cấp cho bà Phan Nguyệt A và ông Nguyễn Phát X theo Quyết định số 465/QĐ-UBND ngày 06/03/2017.

2. Chấp nhận yêu cầu độc lập của Ngân hàng TMCP A.

2.1. Buộc bà Phan Nguyệt A và ông Nguyễn Phát X có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP A tính đến ngày 02/12/2022 số tiền là 6.392.699.112 đồng (trong đó, tiền vốn vay là 1.999.936.537 đồng và tiền lãi vay là 4.392.762.575 đồng).

Kể từ ngày 03/12/2022, bà Phan Nguyệt A và ông Nguyễn Phát X còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc chưa trả theo lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 0178/12/TD/XIX, ngày 02/08/2012 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

2.2. Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và phía Ngân hàng TMCP A có đơn yêu cầu thi hành án mà phía bà Phan Nguyệt A và ông Nguyễn Phát X không thanh toán đầy đủ số nợ cho Ngân hàng TMCP A thì Ngân hàng TMCP A có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản số 0101/2012/TC/XIX ngày 01/8/2012, tài sản thế chấp là căn nhà và đất tại thửa đất số 75, tờ bản đồ số 35, diện tích 225,8m^2, loại đất ODT (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 580106 do UBND tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 24/12/2001 cho bà Phan Nguyệt A và ông Nguyễn Phát X, tài sản gắn liền trên đất là căn nhà cấp bốn, tại số 74 (số cũ 58), đường L, Khóm B, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc

Trăng) đã bị UBND tỉnh Sóc Trăng thu hồi Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở cấp cho bà Phan Nguyệt A và ông Nguyễn Phát X theo Quyết định số 465/QĐ-UBND ngày 06/3/2017.

3. Sau khi thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP A và các đồng thừa kế nêu trên thì bà Phan Nguyệt A có trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền đăng ký để cấp lại giấy chứng nhận quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của các đồng thừa kế cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, đối với thời gian chậm thi hành án.

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 03/01/2023, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà A có đơn kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 100/2022/DS-ST ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng và được Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng nhận vào ngày 06/01/2023. Yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm nêu trên theo hướng chia thừa kế cho các đồng thừa kế theo tỷ lệ phần trăm tính trên di sản thừa kế mà không chia bằng tiền như bản án sơ thẩm đã tuyên xử.

Đến thời điểm mở phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà A không rút đơn khởi kiện, không thay đổi, bổ sung hoặc rút đơn kháng cáo. Bị đơn ông M cho rằng trước đây do bà A và ông X ở trong căn nhà số 74 (số cũ 58), ông M mới về ở trong căn nhà này khoảng 06 năm nay, nhà để thờ phượng ông bà, không được sang bán, ông đề nghị hủy bản án dân sự sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng A không rút đơn yêu cầu độc lập và đề nghị giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm; người đại diện theo ủy quyền của ông Ê, bà Z, Bà P, ông H, Bà Ư, ông G cho rằng trước đây bà A đăng ký để được cấp giấy chứng nhận là không đúng, nên đã bị UBND tỉnh thu hồi, hủy bỏ giấy chứng nhận cấp cho bà A, bà A vay tiền Ngân hàng thì Ngân hàng tìm bà A để đòi tiền, nhà để thờ phượng ông bà, không được sang bán, các ông, bà đề nghị hủy bản án dân sự sơ thẩm. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm. Về nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định pháp luật có liên quan đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà A và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, để giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Tại phiên tòa lần thứ hai, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Phước Ê vắng mặt, nhưng có người đại diện hợp pháp tham gia phiên tòa; bà Phan Thị Mãnh T, bà Lê Thị Bạch Y, ông Phan Hoàng N, ông Phan Hoàng S, ông Phan Thành I ông Phan Thanh Ơ, bà Phan Thị L, sinh năm 1962 (Lưởng, sinh năm 1961), ông Nguyễn Phát X đều vắng mặt không rõ lý do; nên HĐXX căn cứ vào khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về người kháng cáo, nội dung, hình thức đơn kháng cáo và thời hạn kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà A là đúng quy định tại Điều 271, Điều 272 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên kháng cáo hợp lệ, được Tòa án chấp nhận và tiến hành xét xử phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[3] Trong quá trình tiến hành tố tụng, các bên đương sự không có tranh chấp về người và hàng thừa kế của cụ Â và cụ Q. Về di sản thừa kế của cụ Â và cụ Q chết để lại là thửa đất số 75, tờ bản đồ số 33, diện tích 225,8m^2, tài sản gắn liền trên đất là căn nhà cấp 4, tại số 74 (số cũ 58), đường L, Khóm B, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (do nhận chuyển nhượng vào năm 1967). Đến năm 1990, cụ Â và cụ Q làm thủ tục giao căn nhà nêu trên cho bà A làm chủ với điều kiện bà A có nghĩa vụ nuôi dưỡng và thờ phượng sau này và bà A đã được UBND tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở vào ngày 24/12/2001, nhưng do thủ tục cấp giấy chứng nhận không đúng quy định, nên UBND tỉnh Sóc Trăng ban hành Quyết định số 465/QĐ-UBND ngày 06/3/2017 về việc thu hồi giấy chứng nhận cấp cho bà A và ông X. Cụ Q chết năm 1994, không có để lại di chúc và cụ Â chết năm 2014, có để lại di chúc lập ngày 16/3/1996. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ khoản 2 Điều 4 của Pháp lệnh thừa kế năm 1990 xác định: Khi cụ Q chết thì một nửa tài sản chung của vợ chồng là di sản thừa kế; một nửa tài sản còn lại cụ Â lập di chúc tặng cho bà A là phù hợp với quy định tại các Điều 10, 12, 13 và 14 của Pháp lệnh thừa kế năm 1990, để xác định di chúc của cụ Â là hợp pháp và có hiệu lực pháp luật. Đồng thời, công nhận cho bà A 50% giá trị thửa đất số 75, tờ bản đồ số 33; 50% giá trị thửa đất còn lại đem chia thừa kế theo pháp luật là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 651 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Ngoài ra, quá trình quản lý, sử dụng bà A và ông X xây dựng, sửa chữa toàn bộ căn nhà, nên công nhận căn nhà cấp 4 trên thửa đất thuộc quyền sở hữu của bà A và ông X là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[4] Xét kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà A về việc yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm số 100/2022/DS-ST ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng theo hướng chia thừa kế cho các đồng thừa kế theo

tỷ lệ phần trăm tính trên di sản thừa kế mà không chia bằng tiền như bản án sơ thẩm đã tuyên xử. Xét thấy, theo khoản 3 Điều 659, phân chia di sản theo di chúc quy định: *"Trường hợp di chúc chỉ xác định phân chia di sản theo tỷ lệ đối với tổng giá trị khối di sản thì tỷ lệ này được tính trên giá trị khối di sản đang còn vào thời điểm phân chia di sản"*. Đồng thời, theo khoản 2 Điều 660, phân chia di sản theo pháp luật quy định: *"Những người thừa kế có quyền yêu cầu phân chia di sản bằng hiện vật; nếu không thể chia đều bằng hiện vật thì những người thừa kế có thể thỏa thuận về việc định giá hiện vật và thỏa thuận về người nhận hiện vật; nếu không thỏa thuận được thì hiện vật được bán để chia"*. Như vậy, pháp luật không quy định việc chia thừa kế cho các đồng thừa kế theo tỷ lệ phần trăm trên di sản thừa kế bằng hiện vật mà không chia bằng giá trị như nội dung kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của bà A nêu. Ngoài ra, HĐXX đã công nhận căn nhà cấp 4 trên thửa đất số 75, tờ bản đồ số 33 thuộc quyền sở hữu của bà A và ông X; nhà đất là một thể thống nhất không thể tách rời và bà A có yêu cầu được nhận hiện vật, bà A được chia 08 kỷ phần thừa kế. Mặt khác, hiện vật có diện tích nhỏ, không thể phân chia hiện vật cho các đồng thừa kế được, nên Tòa án cấp sơ thẩm giao cho bà A quản lý, sử dụng căn nhà và toàn bộ thửa đất số 75, tờ bản đồ số 33 là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Tại Tờ tường trình ngày 15/3/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ê cho rằng Tòa án không xem xét lời trình bày của các anh, em ông; xét xử khi nguyên đơn, bị đơn và người đại diện theo ủy quyền không có mặt mà Tòa án vẫn xử; nên yêu cầu hủy án sơ thẩm và trả lại nhà, đất của cha mẹ ông, để anh em ông cùng thừa hưởng. Đồng thời, tại phiên tòa bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cho rằng trước đây bà A đăng ký để được cấp giấy chứng nhận là không đúng, nên đã bị UBND tỉnh thu hồi, hủy bỏ giấy chứng nhận cấp cho bà A, bà A vay tiền Ngân hàng thì Ngân hàng tìm bà A để đòi tiền, nhà để thờ phượng ông bà, không được sang bán, các ông, bà đề nghị hủy bản án dân sự sơ thẩm. Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét toàn diện vụ án, trong đó có lời trình bày và yêu cầu của các đương sự cũng như chứng cứ do các bên cung cấp để đưa ra phán quyết cuối cùng, phù hợp với quy định của pháp luật. Việc bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không đồng ý bán nhà hương hỏa của cha mẹ, nhưng nhà, đất đã giao cho bà A, bà A có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, nếu bà A không trả hoặc trả không đầy đủ thì nhà, đất nêu trên được bán phát mãi theo những nội dung đã thỏa thuận trong hợp đồng thế chấp và theo quy định tại khoản 2 Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, vì Ngân hàng là người thứ ba ngay tình theo quy định tại khoản 2 Điều 133 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Ngoài ra, quá trình tiến hành tố tụng Tòa án cấp sơ thẩm đã tống đạt hợp lệ lần thứ hai đối với Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa, cùng giấy triệu tập, nhưng các đương sự vắng mặt không rõ lý do; nên Tòa án cấp sơ thẩm đưa vụ án ra xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, các ông, bà yêu cầu hủy án sơ thẩm và trả lại nhà, đất của cha mẹ ông, để anh em ông cùng thừa hưởng là không có căn cứ, nên không được HĐXX chấp nhận.

[6] Từ những nhận định tại mục [4] và [5] nêu trên, xét thấy toàn bộ yêu cầu kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà A, cũng như lời đề

nghị của bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không có căn cứ; nên không được HĐXX chấp nhận. HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 6 Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, để giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

[7] Tại phần Tuyên xử của bản án dân sự sơ thẩm ghi: Thửa đất số 75, tờ bản đồ số 35 là chưa chính xác, nên HĐXX điều chỉnh lại cho đúng là *"Thửa đất số 75, tờ bản đồ số 33"*.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do Bản án dân sự sơ thẩm được giữ nguyên, nên nguyên đơn bà A phải chịu án phí dân sự phúc thẩm với số tiền là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuy nhiên, bà A sinh năm 1959 là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí dân sự phúc thẩm, nên được miễn theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[9] Đối với lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm về việc đề nghị HĐXX không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà A và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, để giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng là có căn cứ, nên được HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 6 Điều 313, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ khoản 2 Điều 133 của Bộ luật Dân sự năm 2015; căn cứ khoản 2 Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Phan Nguyệt A.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 100/2022/DS-ST ngày 09 tháng 12 năm 2022, về việc tranh chấp thừa kế tài sản và tranh chấp hợp đồng tín dụng của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Án tuyên như sau:

2.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Nguyệt A.

- Công nhận căn nhà có diện tích 118,96m^2, tại thửa đất số 75, tờ bản đồ số 33 thuộc quyền sở hữu của bà Phan Nguyệt A và ông Nguyễn Phát X.

- Chia di sản thừa kế là thửa đất số 75, tờ bản đồ số 33, diện tích 225,8m^2, loại đất ODT (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 580106 do UBND tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 24/12/2001 cho bà Phan Nguyệt A và ông Nguyễn Phát X, tài

sản gắn liền trên đất là căn nhà cấp bốn, tại số 74 (số cũ 58), đường L, Khóm B, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng) đã bị UBND tỉnh Sóc Trăng thu hồi theo Quyết định số 465/QĐ-UBND ngày 06/3/2017 như sau:

+ Bà Phan Nguyệt A được hưởng di sản thừa kế theo di chúc có giá trị là 11.041.055.500 đồng và di sản thừa kế theo pháp luật là 6.769.218.399 đồng. Tổng cộng là 17.810.273.899 đồng (Mười bảy tỷ tám trăm mười triệu hai trăm bảy mươi ba nghìn tám trăm chín mươi chín đồng).

+ Ông Phan Hùng M; ông Phan Phước Ê; bà Phan Thị Hạnh P; Bà Phan Quế Ư mỗi người được hưởng phần thừa kế theo pháp luật là 854.367.389 đồng (Tám trăm năm mươi bốn triệu ba trăm sáu mươi bảy nghìn ba trăm tám mươi chín đồng).

+ Bà Phan Thị Trúc L, ông Phan Hoàng N và ông Phan Hoàng S được hưởng phần thừa kế theo pháp luật là 854.367.389 đồng (Tám trăm năm mươi bốn triệu ba trăm sáu mươi bảy nghìn ba trăm tám mươi chín đồng).

+ Buộc bà Phan Nguyệt A có nghĩa vụ thối trả cho các đồng thừa kế gồm ông Phan Hùng M; ông Phan Phước Ê; bà Phan Thị Hạnh P; Bà Phan Quế Ư mỗi người số tiền là 854.367.389 đồng (Tám trăm năm mươi bốn triệu ba trăm sáu mươi bảy nghìn ba trăm tám mươi chín đồng).

+ Buộc bà Phan Nguyệt A có nghĩa vụ thối trả cho bà Phan Thị Trúc L, ông Phan Hoàng N và ông Phan Hoàng S số tiền là 854.367.389 đồng (Tám trăm năm mươi bốn triệu ba trăm sáu mươi bảy nghìn ba trăm tám mươi chín đồng).

- Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của các đồng thừa kế cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, đối với thời gian chậm thi hành án.

2.2. Giao cho bà Phan Nguyệt A quản lý, sử dụng căn nhà và đất tại thửa đất số 75, tờ bản đồ số 33, diện tích 225,8m^2, loại đất ODT (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 580106 do UBND tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 24/12/2001 cho bà Phan Nguyệt A và ông Nguyễn Phát X, tài sản gắn liền trên đất là căn nhà cấp bốn, tại số 74 (số cũ 58), đường L, Khóm B, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng) đã bị UBND tỉnh Sóc Trăng thu hồi Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở cấp cho bà Phan Nguyệt A và ông Nguyễn Phát X theo Quyết định số 465/QĐ-UBND ngày 06/3/2017.

- Buộc ông Phan Hùng M, ông Phan Thanh G cùng có trách nhiệm giao căn nhà và đất tại thửa đất số 75, tờ bản đồ số 33, diện tích 225,8m^2, loại đất ODT (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 580106 do UBND tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 24/12/2001 cho bà Phan Nguyệt A và ông Nguyễn Phát X, tài sản gắn liền trên đất là căn nhà cấp bốn, tại số 74 (số cũ 58), đường L, Khóm B, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng) đã bị UBND tỉnh Sóc Trăng thu hồi Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở cấp cho bà Phan Nguyệt A và ông Nguyễn Phát X theo Quyết định số 465/QĐ-UBND ngày 06/3/2017.

2.3. Chấp nhận yêu cầu độc lập của Ngân hàng TMCP A.

- Buộc bà Phan Nguyệt A và ông Nguyễn Phát X có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP A tính đến ngày 02/12/2022, số tiền vốn vay là 1.999.936.537 đồng và tiền lãi vay là 4.392.762.575 đồng; tổng cộng số tiền là 6.392.699.112 đồng (Sáu tỷ ba trăm chín mươi hai triệu sáu trăm chín mươi chín nghìn một trăm mười hai đồng).

- Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày 03/12/2022, bà Phan Nguyệt A và ông Nguyễn Phát X còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc chưa trả theo lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 0178/12/TD/XIX, ngày 02/08/2012 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

- Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và phía Ngân hàng TMCP A có đơn yêu cầu thi hành án mà phía bà Phan Nguyệt A và ông Nguyễn Phát X không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số nợ cho Ngân hàng TMCP A thì Ngân hàng TMCP A có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản số 0101/2012/TC/XIX ngày 01/8/2012, tài sản thế chấp là căn nhà và đất tại thửa đất số 75, tờ bản đồ số 33, diện tích 225,8m^2, loại đất ODT (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 580106 do UBND tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 24/12/2001 cho bà Phan Nguyệt A và ông Nguyễn Phát X, tài sản gắn liền trên đất là căn nhà cấp bốn, tại số 74 (số cũ 58), đường L, Khóm B, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng) đã bị UBND tỉnh Sóc Trăng thu hồi Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở cấp cho bà Phan Nguyệt A và ông Nguyễn Phát X theo Quyết định số 465/QĐ-UBND ngày 06/3/2017.

2.4. Sau khi thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP A và các đồng thừa kế nêu trên thì bà Phan Nguyệt A có trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền đăng ký để cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phan Nguyệt A được miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm.

4. Các phần khác của bản án dân sự sơ thẩm *(tại mục 4 và 5 trong phần tuyên xử)* không có kháng cáo, kháng nghị, không ghi trong phần quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014), thì những người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND thành phố Sóc Trăng;
- Chi cục THADS thành phô Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Toàn